TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2019
V/v: *ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Quốc Thống

Ông Trần Tấn Tài

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Bé S, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã KL, huyện U M, tỉnh C M (có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cải vã nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không kết quả và đã ly thân hơn 03 năm nay, chị S và anh V cùng thống nhất ly hôn nhau.

Về con chung: Có hai người con chung là Huỳnh Thảo V, sinh ngày

11/11/2000 đã trưởng thành và Huỳnh Trung t, sinh ngày 18/3/2007, chị S và anh V thống nhất giao cháu Huỳnh Trung t cho chị S nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V xác định không có.

Cháu Huỳnh Trung t trình bày: Cháu Tính có nguyện vọng sau khi chị S và anh V ly hôn, cháu có nguyện vọng được chị S nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Bé S khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Huỳnh Văn V, địa chỉ cư trú ấp 5, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Trần Bé S và anh Trần Văn V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V xác định tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên ly thân và cùng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, giữa chị S và anh V không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại điều 9 quy định "*việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*" và tại khoản 1 Điều 14 quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" và tại khoản 2 Điều 53 quy định *"trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Bé S với anh Huỳnh Văn V.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Thảo V, sinh ngày 11/11/2000 đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Huỳnh Trung t nguyện vọng được chị S nuôi dưỡng nên chấp nhận nguyện vọng của cháu. Chị S và anh V cũng thống nhất với nguyện vọng của cháu Tính. Do đó, giao cháu Huỳnh Trung t cho chị Trần Bé S nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Huỳnh Văn V có quyền thăm nom cháu Tính không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V xác định không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V xác định không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Trần Bé S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004084 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu. Anh Huỳnh Văn V không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 53; Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Trung t, sinh ngày 18/3/2007 cho chị Trần Bé S nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Văn V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét

- Về tài sản chung: không xem xét.

- Về nợ chung: không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Trần Bé S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004084 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu. Anh Huỳnh Văn V không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm chị Trần Bé S và anh Huỳnh Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KTNV TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn